

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4852/UBND-TH**

Đắk Lắk, ngày **22** tháng **6** năm 2016

V/v thẩm định danh sách và dự
toán kinh phí tỉnh giản biên chế

Kính gửi:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tỉnh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC, ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tỉnh giản biên chế;

Thực hiện Công văn số 276-CV/TU, ngày 31/5/2016 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về chế độ chính sách đối với cán bộ tỉnh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính danh sách và dự toán kinh phí thực hiện tỉnh giản biên chế đợt 1, năm 2016 (từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016) đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể của tỉnh, cụ thể như sau:

Tổng số đối tượng tỉnh giản biên chế đợt 1 năm 2016 có 14 người, với tổng số kinh phí chi trả là 1.538.660.496 đồng (một tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng), trong đó:

1. Nghỉ hưu trước tuổi: 13 người

2. Thôi việc ngay: 01 người

(Có danh sách theo biểu mẫu 02 được đính kèm)

Kính trình Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (N- 20b).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỢT I NĂM 2016
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÁC CƠ QUAN THUỘC TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng BHXH (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	Nguyễn Văn Hoàng	03/3/1968		Nhân viên Lễ xe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Buôn Đôn	3,85	01/8/2015									3,31	01/8/2009	4.658.500	3.904.027	20 năm 06 tháng	48 tuổi 04 tháng	01/7/2016			X		132.072.307
															3,49	01/8/2011										
															3,67	01/8/2013										
															3,85	01/8/2015										
2	Nguyễn Văn Thanh	12/11/1959		Cán bộ Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ea Kar	4.06+19%	01/8/2016					14%	01/8/2011			4.06+14%	01/8/2011	5.845.994	5.199.730	40 năm 00 tháng	58 tuổi	01/8/2016	X				109.194.329
											15%	01/8/2012			4.06+15%	01/8/2012										
											16%	01/8/2013			4.06+16%	01/8/2013										
											17%	01/8/2014			4.06+17%	01/8/2014										
											18%	01/8/2015			4.06+18%	01/8/2015										
											19%	01/8/2016			4.06+19%	01/8/2016										
3	Phan Văn Quang	03/3/1960		Cán bộ Văn phòng Huyện ủy Krông Bông	3.33+19%	01/02/2016				14%	01/02/2011			3.33+14%	01/02/2011	4.794.867	4.199.507	31 năm 11 tháng	56 tuổi 05 tháng	01/10/2016	X				92.389.163	
										15%	01/02/2012			3.33+15%	01/02/2012											
										16%	01/02/2013			3.33+16%	01/02/2013											

	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
											17%	01/02/2014			3.33+17%	01/02/2014												
											18%	01/02/2015			3.33+18%	01/02/2015												
											19%	01/02/2016			3.33+19%	01/02/2016												
4	Trần Văn Thủy	03/9/1957	Trung cấp Hành chính	Cán bộ Văn phòng Liên đoàn Lao động tỉnh	4.06+16%	01/01/2016					12%	01/01/2011			4.03+12%	01/02/2011	6.119.696	5.299.456	41 năm 05 tháng	58 tuổi 10 tháng	01/7/2016	X					99.364.804	Điểm b,c,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108
											13%	01/01/2012			4.03+13%	01/02/2012												
											13%	01/01/2013			4.03+13%	01/02/2013												
											13%	01/6/2013			4.06+13%	01/6/2013												
											14%	01/01/2014			4.06+14%	01/01/2014												
											15%	01/01/2015			4.06+15%	01/01/2015												
											16%	01/01/2016			4.06+16%	01/01/2016												
5	Nguyễn Quốc Hòa	08/5/1960	Đại học kinh tế	Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp lý công đoàn tỉnh	4,32	01/12/2014	0,30	01/5/2015							3,66	01/12/2008	5.590.200	4.879.982	34 năm 04 tháng	56 tuổi 02 tháng	01/7/2016	X					113.459.574	Điểm b,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108
															3,99	01/12/2011												
															4,32	01/12/2014												
6	Lê Thị Diệu Hương	24/12/1964	Trung cấp Kế toán	Cán bộ chuyên trách Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, Liên đoàn Lao động tỉnh	4.06+11%	01/3/2016					6%	01/3/2011			4.06+6%	01/3/2011	5.452.986	4.735.503	31 năm 05 tháng	58 tuổi 10 tháng	01/7/2016	X					98.261.983	Điểm b,c,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108
											7%	01/3/2012			4.06+7%	01/3/2012												
											8%	01/3/2013			4.06+8%	01/3/2013												
											9%	01/3/2014			4.06+9%	01/3/2014												
											10%	01/3/2015			4.06+10%	01/3/2015												
											11%	01/3/2016			4.06+11%	01/3/2016												
7	Đặng Thị Kim Hoa	01/5/1965	Đại học Kế toán	Cán bộ chuyên trách Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, Liên	4,98	01/12/2015									4,32	01/6/2011	6.025.800	4.924.510	31 năm 06 tháng	51 tuổi 02 tháng	01/7/2016	X					107.108.093	Điểm b,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108
															4,65	01/6/2013												
															4,98	01/12/2015												

	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
8	Nguyễn Hồng Tại	01/6/1959	Sơ cấp Kế toán	Cán bộ chuyên trách Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắc, Liên	4,51	01/5/2011									4,51	01/5/2011	5.457.100	4.849.753	38 năm 02 tháng	57 tuổi 01 tháng	01/7/2016	X					106.694.573	Điểm b,c,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108	
9	Phan Văn Nghĩa	28/3/1966		Nhân viên Lái xư Ban Tổ chức Tỉnh ủy	4.03+ 15%	01/12/201 5					10%	01/12/2010			4.03+10%	01/12/2010	5.607.745	4.884.595	32 năm 07 tháng	50 tuổi 04 tháng	01/7/2016	X					123.336.026	Điểm a,b,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108	
												11%			01/12/2011	4.03+11%													01/12/2011
												12%			01/12/2012	4.03+12%													01/12/2012
												13%			01/12/2013	4.03+13%													01/12/2013
												14%			01/12/2014	4.03+14%													01/12/2014
												15%			01/12/2015	4.03+15%													01/12/2015
10	Nguyễn Văn Lai	03/11/1957	Đại học Kế toán	Phó Giám đốc Nhà khách tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy	4.98+ 11%	01/10/201 5	0,30	01/01/ 1999			6%	01/10/2010			4.98+6%	01/10/2010	7.091.568	6.181.938	32 năm 07 tháng	58 tuổi 08 tháng	01/7/2016	X					119.022.314	Điểm a,b,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108	
												7%			01/10/2011	4.98+7%													01/10/2011
												8%			01/10/2012	4.98+8%													01/10/2012
												9%			01/10/2013	4.98+9%													01/10/2013
												10%			01/10/2014	4.98+10%													01/10/2014
												11%			01/10/2015	4.98+11%													01/10/2015
11	Phạm Văn Qua	06/5/1960		Nhân viên Lái xư Văn phòng Huyện ủy Ea H'Leo	4.03+ 16%	01/01/201 6					11%	01/01/2011			4.03+11%	01/01/2011	5.656.508	4.924.351	32 năm 06 tháng	56 tuổi 02 tháng	01/7/2016	X					109.566.810	Điểm a,b,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108	
												12%			01/01/2012	4.03+12%													01/01/2012
												13%			01/01/2013	4.03+13%													01/01/2013
												14%			01/01/2014	4.03+14%													01/01/2014
												15%			01/01/2015	4.03+15%													01/01/2015
												16%			01/01/2016	4.03+16%													01/01/2016
12	Phạm Thị Kim Chung	10/9/1963	Trung cấp Lưu trữ	Cán bộ Văn thư Lưu trữ Văn phòng Huyện ủy Ea H'Leo	4.06+ 13%	01/11/201 5					8%	01/11/2010			4.06+8%	01/11/2010	5.551.238	4.837.246	38 năm 03 tháng	52 tuổi 10 tháng	01/7/2016	X					101.582.174	Điểm a,b,c,d, Khoản 1, Điều 6, ND 108	
												9%			01/11/2011	4.06+9%													01/11/2011
												10%			01/11/2012	4.06+10%													01/11/2012
												11%			01/11/2013	4.06+11%													01/11/2013
												12%			01/11/2014	4.06+12%													01/11/2014

	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
											13%	01/11/2015			4.06+13%	01/11/2015												
13	Nguyễn Đình Suốt	17/6/1957		Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã Buôn Hồ	4.06+ 16%	01/01/2016	0,15	01/01/ 2008			11%	01/01/2011			4.06+11%	01/01/2011	5.909.156	5.144.297	41 năm 07 tháng	59 tuổi 01 tháng	01/7/2016	X					91.311.276	Điểm a,b,c,d, Khoản 1, Điều 6, NB 108
											12%	01/01/2012			4.06+12%	01/01/2012												
											13%	01/01/2013			4.06+13%	01/01/2013												
											14%	01/01/2014			4.06+14%	01/01/2014												
											15%	01/01/2015			4.06+15%	01/01/2015												
											16%	01/01/2016			4.06+16%	01/01/2016												
14	Trần Ngọc Quang	16/10/1958	Đại học Công doãn	HUV, Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện Ea H'Leo	4.98+ 15%	01/8/2015	0,30	01/01/ 2010			10%	01/8/2010			4.98+10%	01/8/2010	7.347.120	6.442.718	37 năm 09 tháng	57 tuổi 09 tháng	01/7/2016	X					135.297.070	Điểm d Khoản 1, Điều 6, NB 108
											11%	01/8/2011			4.98+11%	01/8/2011												
											12%	01/8/2012			4.98+12%	01/8/2012												
											13%	01/8/2013			4.98+13%	01/8/2013												
											14%	01/8/2014			4.98+14%	01/8/2014												
											15%	01/8/2015			4.98+15%	01/8/2015												
TỔNG CỘNG					(Một tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng)															1.538.660.496								


CHỦ TỊCH
Phạm Ngọc Nghị